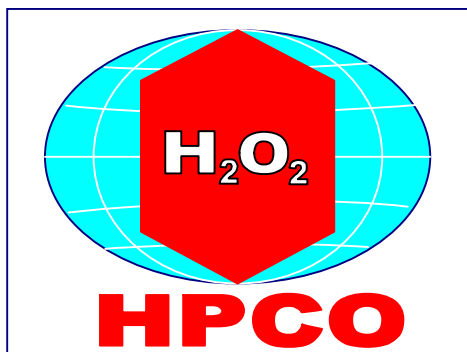


**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮC**

**CÔNG TY CỔ
PHẦN HÓA
CHẤT HUNG
PHÁT HÀ BẮC**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ
BẮC
DN: c=VN, st=BẮC GIANG, l=TP BẮC
GIANG, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA
CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮC,
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:240
0395807
Date: 2020.04.29 10:18:18 +07'00'



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

Bắc Giang – 2020

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin khái quát:**

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
Tên tiếng Anh:	HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	HPCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp:	Số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016.
Vốn điều lệ:	84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	8.400.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính:	Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Số điện thoại:	0204 3526 066
Số fax:	0204 3526 066
Website:	http://hungphathabac.com.vn
Mã chứng khoán:	HPH

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc nằm ở phía Bắc thành phố Bắc Giang, phía Đông và phía Bắc giáp Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, phía Nam giáp phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang và phía Tây giáp Công ty cổ phần Than hoạt tính Trường Phát.

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000297 ngày 01/02/2008. Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập, trong đó Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc) nắm cổ phần chi phối. Mục tiêu thành lập và hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư sản xuất và cung cấp

Hydrogen Peroxide có công thức hóa học là H_2O_2 , còn gọi là ô xy già sử dụng rộng rãi trong công nghiệp sản xuất giấy, dệt, điện tử, xử lý môi trường,... bên cạnh đó Công ty cũng kinh doanh thương mại các sản phẩm phân bón, hóa chất khác như Urea, Kali, NPK.

Là một trong những đơn vị sản xuất ô xy già đầu tiên tại Việt Nam, sau 10 năm thành lập với mục đích sản xuất kinh doanh ô xy già và kinh doanh phân bón hóa chất, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là triển khai đầu tư xây dựng Dây chuyền sản xuất ô xy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50% và bắt đầu chạy thử từ cuối năm 2011, đến nay sản phẩm ô xy già của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã dần tạo lập thương hiệu trên thị trường với hệ thống các nhà phân phối đã bắt đầu được hình thành rộng khắp cả nước. Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008, thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016 với mức vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng.

➤ **Các sự kiện khác:**

Ngày 05/08/2009, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

Ngày 04/12/2017, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 219/2017/GCNCP-VSD với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 8.400.000 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1 . Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa.
- Sản xuất H_2O_2 .
- Mua bán H_2O_2 , phân bón phục vụ nông nghiệp và các loại hóa chất khác.

Kinh doanh vật tư nông nghiệp.

➤ Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà Công ty kinh doanh.

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.
- Buôn bán máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

- Kinh doanh vận tải hàng hóa.
- Kinh doanh bất động sản.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Xây dựng công trình giao thông

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương, Biên Hòa, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Định....

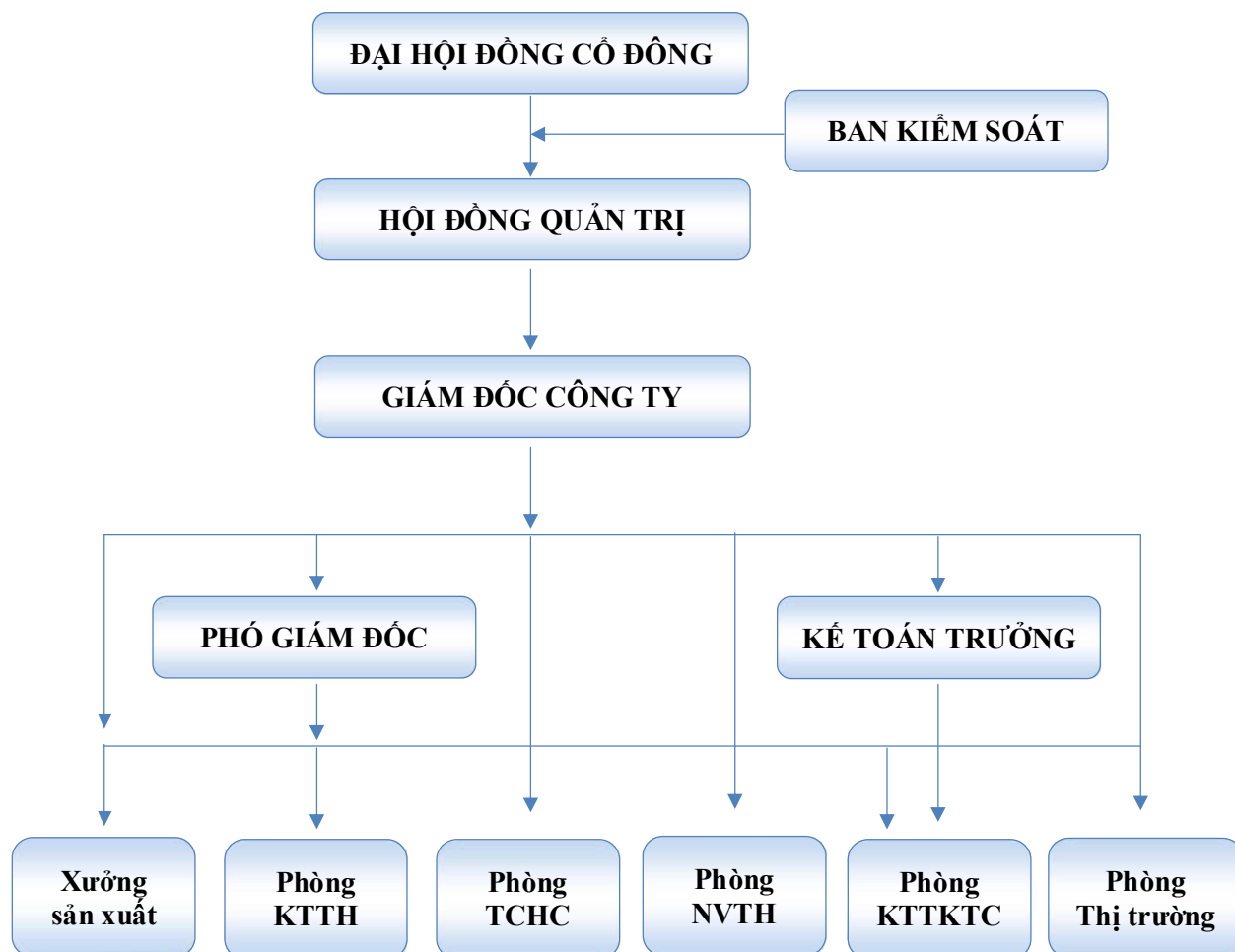
Miền Bắc: Thành Phố Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang, Hải Phòng, Nam Hà, Thái Nguyên....

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc thiết lập cơ cấu tổ chức và quản trị theo mô hình công ty cổ phần, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu quả các chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đề ra

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

**4.1. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, quyết định phương thức hoạt động, vốn điều lệ, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ...

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội

đồng quản trị là 05 (năm) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

4.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và các quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 90 (chín mươi) ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.4. Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty

Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc về lĩnh vực công việc được phân công:

- Theo dõi quản lý kỹ thuật, quy trình công nghệ sản xuất của Công ty.
- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, đề xuất các quy trình công nghệ mới, tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh thường kỳ cho Giám đốc.
- Chỉ đạo trực tiếp phòng Kỹ thuật tổng hợp và Xưởng sản xuất H₂O₂.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng là người trực tiếp tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các vấn đề liên quan tới công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

4.5. Các phòng chuyên môn thuộc Công ty và Xưởng sản xuất***Phòng Kỹ thuật tổng hợp***

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật trong việc điều hành quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý Kỹ thuật, An toàn và Vệ sinh môi trường.

Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý Kế hoạch, Vật tư và Đầu tư.

Phòng Tổ chức – Hành chính

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý: Tổ chức, quản lý lao động tiền lương và giải quyết các chế độ cho người lao động, Hành chính quản trị, Bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ.

Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực Kế toán - Thống kê - Tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện những công việc nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán.

Phòng Thị trường

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc các vấn đề liên quan đến công tác tiêu thụ và phát triển thị trường, các chuyên môn nghiệp vụ trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường.

Xưởng sản xuất

Chức năng: Xưởng sản xuất H₂O₂ là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có chức năng tiếp nhận nguyên vật liệu, năng lượng, quản lý nhân sự và vận hành thiết bị của dây chuyền để sản xuất sản phẩm H₂O₂ theo kế hoạch đã được Giám đốc công ty phê duyệt.

➤ **Danh sách công ty mẹ của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:**

Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ cổ phần
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	5.423.000	64,56%

➤ **Danh sách công ty con của CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có

➤ **Danh sách những công ty mà CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có

➤ **Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có

5. Định hướng phát triển:

➤ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Củng cố hệ thống dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, khai thác tối ưu nguồn lực hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường.
- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Hoàn thiện bộ máy tổ chức và hệ thống quản lý; làm chủ thiết bị công nghệ để phát triển trở thành doanh nghiệp có thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực Ôxy già.

➤ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định. Thực hiện chương trình cải tiến thiết bị, công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, sử dụng hiệu quả nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nhằm sản xuất sạch hơn.

Mang lại giá trị thặng dư cao nhất cho Cổ đông, tạo lập cuộc sống ấm no cho Cán bộ nhân viên và góp phần làm tăng tổng giá trị thặng dư cho xã hội.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế

➤ **Lãi suất:** Cũng như các doanh nghiệp khác, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc cũng thường xuyên sử dụng một kênh huy động vốn truyền thống là tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, đặc biệt là vay tín dụng bằng đồng đô la mỹ (USD). Do đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận mà Công ty đạt được.

➤ **Tỷ giá hối đoái:** Khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất ô xy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50% Công ty phải nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu từ nhà thầu nước ngoài, việc thanh toán các chi phí này được thực hiện bằng đồng USD nên Công ty cũng phải nhận nợ bằng đồng USD từ Ngân hàng để thanh toán cho nhà thầu, do đó mọi sự biến động về tỷ giá hối đoái – đặc biệt là tỷ giá đồng USD sẽ ảnh hưởng đến việc ghi nhận giá trị bằng đồng Việt Nam đối với các khoản vay nợ USD của Công ty.

6.2. Rủi do về giá

Giá Nguyên liệu đầu vào như khí Hydro nguyên liệu tiếp tục tăng so với năm 2018, giá một số hóa chất mua từ thị trường Trung Quốc vẫn ở mức cao;

Trong khi đó giá bán giảm do Giá Ôxy già nhập khẩu vào thị trường Việt Nam bắt đầu giảm mạnh từ tháng 12/2018;

6.3. Rủi ro đặc thù

Nguyên liệu chính để sản xuất ô xy già của Công ty là khí thải Hydro (H₂) từ quá trình tổng hợp Amoniac của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, đây là một thế mạnh của Công ty nhưng cũng là một rủi ro đặc thù vì nếu Công ty Cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc ngừng máy sửa chữa hoặc khi xảy ra sự cố trong quá trình sản xuất thì Dây chuyền sản xuất ô xy già của Công ty sẽ phải ngừng hoạt động do không có nguồn khí tinh luyện (H₂) cung cấp cho sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Tình hình đặc điểm:

Thuận lợi:

Dây chuyền thiết bị sản xuất hoạt động ổn định, chất lượng dịch công tác tốt, xúc tác thay thế bổ sung mới giai đoạn đầu chưa ổn định nay đã làm việc ổn định hiệu suất cao, phát huy tốt công suất thiết bị khi chạy máy.

Đội ngũ lao động trong dây chuyền đã dần làm chủ thiết bị và công nghệ đã chủ động trong vận hành sản xuất.

Sản phẩm của Công ty vẫn giữ được thị trường và tiếp tục mở rộng.

Tỷ giá đồng Việt nam /Đô la Mỹ ít biến động nên lãi suất tiền vốn vay Đô la ổn định so với các năm trước.

Khó khăn:

Giá một số nguyên liệu đầu vào (như khí H₂, hơi nước, nước khử khoáng) cùng với một số hóa chất nhập khẩu đã tăng mức cao làm tăng giá thành sản phẩm, giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Năm tháng đầu năm 2019, do ảnh hưởng hàng ngoại nhập giá sản phẩm sụt giảm mạnh gây rất nhiều khó khăn cho SXKD của Công ty.

Số lần dừng máy, chạy lại máy nhiều lần, nhiều ngày do gián đoạn nguồn cung khí nguyên liệu hydro, hơi nước, điện đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất, làm giảm năng suất, sản lượng và tăng định mức tiêu hao của dây chuyền sản xuất.

Do khó khăn trong việc vay vốn ngân hàng, một số hạng mục sửa chữa lớn theo kế hoạch phải lùi thời gian sang kế hoạch năm sau.

Dây chuyền đi vào sản xuất đã hơn 8 năm, phát sinh chi phí sửa chữa lớn làm tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả SXKD của Công ty.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2019	Thực hiện năm 2019	So với KH năm(%)
1	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	70.704.000	65.454.838	92,6%
2	Sản lượng sản phẩm(Quy 50%)	Tấn	9.820,0	9.090,9	92,6%
3	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	6.203.415	7.846.248	126,5%
4	Doanh thu tiêu thụ	1000đ	84.781.107	75.549.589	89,1%
5	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	3.531.346	3.763.175	106,6%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	336	356	105,7%
7	Cổ tức dự kiến	1000đ	0	0	

2. Tổ chức và nhân sự:

➤ Danh sách Ban điều hành và cán bộ quản lý:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Hoàng Hưng	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
Bà Thân Thị Hà	Phụ trách kế toán
Ông Trần Đức Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính
Ông Lê Thanh Hiếu	Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp
Ông Hoàng Văn Hùng	Giám đốc Xưởng sản xuất
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Phó phòng, Phụ trách phòng Thị Trường

(1) Ông Phạm Hoàng Hưng - Giám đốc Công ty:

Họ và tên	Phạm Hoàng Hưng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/05/1972
Nơi sinh	Huyện Mùong Tè, Tỉnh Lai Châu
CMND/ Hộ chiếu	145410250
Ngày cấp/Ngày hết hạn	29/6/2007
Nơi cấp	CA. Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 194- đường Nguyễn Văn Linh- Thành phố Hưng Yên - Tỉnh Hưng Yên.
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hóa vô cơ/ Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
7/1994-5/4/1995	Tập sự công nhân cơ khí, Phân xưởng 605- Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

6/4/1995-14/3/1999	Công nhân cơ khí, xưởng NH3, Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. Từ T4/1995-3/1999 đi học đại học chính quy, ngành công nghệ hóa vô cơ tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội
15/3/1999-13/10/1999	Tập sự kỹ thuật viên công nghệ tại xưởng NH3- Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
14/10/1999-10/2000	Tập sự kỹ thuật viên công nghệ tại phòng Điều độ sản xuất, Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
11/2000-18/2/2001	Kỹ thuật viên công nghệ tại phòng Điều độ sản xuất, Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
19/2/2001-9/2010	Trưởng ca Công ty, phòng Điều độ sản xuất, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
01/10/2010-9/2014	Phó trưởng phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (Nay là CTCP Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc)
01/10/2014-14/02/2016	Phó Giám đốc Xưởng A mô ni ắc 2-Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (Nay là CTCP Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc)
15/2/2016-17/3/2016	Phó Giám đốc CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
18/3/2016- đến nay	Giám đốc CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
3/2016- đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty

Thành viên Hội đồng quản trị -Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác

Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ

1.139.40 ỏ phần

-Đại diện sở hữu	1.139.040 cổ phần, chiếm 13,56% vốn điều lệ. Trong đó:
+ CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	1.139.40 cổ phần, chiếm 13,56% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(2) Nguyễn Thế Hùng – Phó Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thế Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/4/1968
Nơi sinh	Huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
CMND/ Hộ chiếu	121559947
Ngày cấp/Ngày hết hạn	21/6/2002
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 68 đường Cô Giang, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư chế tạo máy
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
năm 1991 đến năm 1995	Kỹ thuật viên tại Nhà máy cơ khí, xí nghiệp liên hợp phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

năm 1995 đến năm 2000	Quản đốc phân xưởng Giấy đế thuộc Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Tổng hợp II thuộc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
năm 2000 đến năm 2004	Giám đốc Xí nghiệp Giấy đế thuộc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
năm 2004 đến năm 2005	Giám đốc Công ty Cổ phần Hòa Bình
năm 2005 đến năm 2010	Chuyên viên phòng Đầu tư Xây dựng thuộc Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm Và Hóa chất Hà Bắc
năm 2010 đến nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty	Phó Giám đốc
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(3) Bà Thân Thị Hà – Trưởng phòng - Phụ trách Phòng KT-TK-TC

Họ và tên	Thân Thị Hà
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	05/02/1984

Nơi sinh Xóm Chiền - Xã Nội Hoàng - H.Yên Dũng –
Tỉnh Bắc Giang

CMND/ Hộ chiếu 121516592

Ngày cấp/Ngày hết hạn 30/06/2015

Nơi cấp CA.Bắc Giang

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú Số nhà 73-QL1A- Xã Tân Mỹ -Bắc Giang

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
T5/2009 đến T8/2016	Kế toán viên Phòng KT-TK-TC Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
T9/2016 đến nay	Phó trưởng phòng Phòng KT-TK-TC Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
T11/2016– đến nay	Phụ trách Phòng KT-TK-TC Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty Trưởng phòng - Phụ trách Phòng KT-TK-TC

Chức vụ tại tổ chức khác Không

Tổng số cổ phần nắm giữ 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật Không có

Những khoản nợ đối với Công ty Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Không có

(4) Ông Trần Đức Tuấn - Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính:

Họ và tên **Trần Đức Tuấn**
 Giới tính Nam
 Ngày tháng năm sinh 15/7/1961
 Nơi sinh Hải Phòng
 CMND/ Hộ chiếu 120011416
 Ngày cấp/Ngày hết hạn 11/11/2005
 Nơi cấp CA Bắc Giang
 Quốc tịch Việt Nam
 Địa chỉ thường trú Số 315 Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 01/1986 - 12/1988	CNVH Điện, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 01/1989 - 07/1997	Trưởng kíp VH Điện, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 8/1997 - 04/2000	Kế toán tổng hợp, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 05/2000 - 04/2010	Chuyên viên LĐTL, phòng TCNS, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 05/2010 - 09/2011	Phó phòng, Phụ trách phòng TCHC, Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 10/2011 - Nay	Trưởng phòng TCHC, Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty

Trưởng phòng TCHC

Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	11.155 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,133% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	11.155 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,133% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(5) Ông Lê Thanh Hiếu - Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp:

Họ và tên	Lê Thanh Hiếu
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/8/1961
Nơi sinh	Lâm Thao, Phú Thọ
CMND/ Hộ chiếu	120015814
Ngày cấp/Ngày hết hạn	17/5/2005
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 37 khu phố Hà Vị 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế kỹ thuật
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ năm 1982 - 1986	Bộ đội thuộc E51 – Quân khu I

Từ năm 1986 - 1993	Công nhân cơ khí, nhà máy cơ khí hóa chất Hà Bắc
Từ năm 1993 - 2008	Chuyên viên Kế hoạch tại phòng kế hoạch Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ năm 2008 đến nay	Trưởng phòng Nghiệp vụ Tổng hợp Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

Chức vụ tại công ty	Trưởng phòng NVTH
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(6) Ông Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp:

Họ và tên	Nguyễn Văn Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/9/1971
Nơi sinh	Xã Hồng Thái, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
CMND/ Hộ chiếu	122029516
Ngày cấp/Ngày hết hạn	12/12/2008
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	K41 - Công viên Hoàng Hoa Thám, Bắc Giang

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1992 - 1993	Công nhân Xưởng Tạo khí, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1993 - 1996	Học tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội
Từ 1996 - 2007	Trưởng ca Công ty, Phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2007 - 2008	Kỹ thuật viên, Phòng kỹ thuật Công nghệ, Công ty TNHH 1TV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2008 - 2010	Kỹ thuật viên, Phòng Kỹ thuật tổng hợp, Công ty cổ phần Hóa Chất Hưng phát Hà Bắc
Từ 2010 - nay	Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật tổng hợp, Công ty cổ phần Hóa Chất Hưng phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty	Trưởng phòng KTTH
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(7) Ông Hoàng Văn Hùng - Giám đốc Xưởng sản xuất:

Họ và tên **Hoàng Văn Hùng**
 Giới tính Nam
 Ngày tháng năm sinh 09/3/1967
 Nơi sinh Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, T. Bắc Giang
 CMND/ Hộ chiếu 120926352
 Ngày cấp/Ngày hết hạn 3/11/2005
 Nơi cấp CA Bắc Giang
 Quốc tịch Việt Nam
 Địa chỉ thường trú Số 125- Đường 398- Tân Mỹ - TP Bắc Giang – T. Bắc Giang
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ hóa học
 Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1991 – 1/1998	Trưởng ca Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)
Từ 1/1998 – 8/1998	Phó quản đốc Xưởng giấy, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)
Từ 8/1998 - 2005	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh, Công ty Xăng dầu khu vực 1
Từ 2005 - 2010	Chuyên viên Phòng KTCN, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2010 - Nay	Giám đốc xưởng sản xuất, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty

Giám đốc xưởng SX

Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(8) Ông Nguyễn Quang Tuấn - Phó phòng, Phụ trách phòng Thị Trường:

Họ và tên	Nguyễn Quang Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/02/1963
Nơi sinh	Á Lữ, Trần Phú, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu	120014249
Ngày cấp/Ngày hết hạn	22/11/2005
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 235, Đường Nguyễn Thị Lư 2, Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1981 – 1986	Công nhân xưởng Nhiệt, Công ty TNHH MTV

	Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1986 – 1993	Công nhân xưởng sản xuất tổng hợp, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1993 - 2008	Nhân viên phòng Thị trường, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2008 – 7/2010	Nhân viên Phòng NVTH, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 7/2010 – 3/2013	Phó phòng, Phòng NVTH, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 3/2013 - Nay	Phó phòng, Phụ trách phòng thị trường, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty	Phó phòng- Phụ trách phòng TT
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	5.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,068% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	5.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,068% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

➤ **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lượng người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2019 là 61 người.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao

động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống,... Các Tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và tổ chức Đoàn thanh niên của Công ty cũng luôn được quan tâm xây dựng và không ngừng phát triển.

Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên.

Hàng năm Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC đã phát hành các Báo cáo kiểm toán quyết toán Dự án hoàn thành. Ngày 24/12/2014, HĐQT đã phê duyệt quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50%.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm năm 2019 so với 2018
1. Tổng tài sản (cuối kỳ)	186.039.424.501	153.966.798.517	-17,24%

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm năm 2019 so với 2018
2.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.057.748.687	75.667.770.422	-15,04%
3.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30.619.555.937	3.769.336.090	-87,69%
4.Lợi nhuận khác	55.325.716	-6.161.455	-111,14%
5.Lợi nhuận trước thuế	30.674.881.653	3.769.336.090	-87,71%
6.Lợi nhuận sau thuế	24.961.712.515	2.987.039.708	-88,03%
7.Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%		

(*) Một số chỉ tiêu trong báo cáo của năm 2018 đã được điều chỉnh lại theo Biên bản kiểm toán của KTNN tại ngày 03/07/2019 Về việc Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2018 của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản cố định hữu hình	221	133.554.516.153	133.525.983.834	28.532.319
Chi phí trả trước dài hạn	261	14.769.809.915	8.999.228.303	5.770.581.612
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.214.577.628	4.007.451.441	1.207.126.187
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	56.380.003	236.662.003	(180.282.000)
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.747.714.672	1.803.949.672	(56.235.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22.229.917.783	17.401.413.039	4.828.504.744
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Giá vốn hàng bán		46.557.119.693	52.327.701.305	(5.770.581.612)

	11			
Chi phí bán hàng	25	419.557.832	599.839.832	(180.282.000)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.336.262.446	6.364.794.765	(28.532.319)
Thu nhập khác	31	56.653.900	418.900	56.235.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30.674.881.653	24.639.250.722	6.035.630.931
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.713.169.138	4.506.042.951	1.207.126.187
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	30.674.881.653	24.639.250.722	6.035.630.931
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	13.017.166.143	13.013.889.371	3.276.772
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(259.640.110)	(23.123.110)	(236.517.000)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(14.769.809.915)	(8.999.228.303)	(5.770.581.612)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(31.809.091)	-	(31.809.091)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2018	2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,76	3,01
-Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	2,20	2,23
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,41	0,35
-Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,69	0,53
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	7,88	10,53
-Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,49	0,49
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,23	0,04
-Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	0,19	0,03
-Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,11	0,02
-Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	0,28	0,05

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**5.1. Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.400.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

➤ Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2019):

TT	Danh mục	1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
A	Tổng vốn chủ sở hữu:	84.000.000	100
1	- Cổ đông sáng lập:	69.828.000	83,13
2	- Cổ đông lớn (*):	69.828.000	83,13
3	- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	13.172.000	15,68
4	- Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	1.000.000	1,19
B	Trong đó:	84.000.000	100
1	- Nhà nước:	54.230.000	64,56
2	- Người nước ngoài:		
3	- Người Việt Nam khác (không gồm Nhà nước):	29.770.000	35,44

➤ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2019):**

TT	Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	5.423.000	64,56%
	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, TT Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội	0101328911	999.800	11,90%
	CTCP Tập đoàn Tân Long	Tầng 14-Tòa nhà Diamond Flower- Số 48-Đường Lê Văn Khương- KĐT mới N2- Nhân Chính - Thanh xuân - HN	0102014919	560.000	6,67%

➤ **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:**

TT	Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
	CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	2.856.000 (*)	51,00%
	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, TT Đông Anh, Huyện Đông Anh, HN	0101328911	560.000 (**)	10,00%
	CTCP Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Phòng 810 Nhà 18T2, chung cư Trung Hòa, Nhân Chính, P.Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	0102014919	560.000	10,00%

(*) Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đang nắm giữ 5.423.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 64,56% vốn điều lệ của Công ty.

(**) Tại thời điểm 31/12/2019, CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh đang nắm giữ 999.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,902% vốn điều lệ của Công ty.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.3. Kết quả thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh

a. Kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2019	Thực hiện năm 2019	So với (%)	
					KH năm	TH 2018
*	Thời gian sản xuất	ngày	299	291	97,3	102,6
I	Sản lượng sản phẩm					
1	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	9.820,0	9.090,9	92,6	105,4
2	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)		9.820,0	9.184,3	93,5	107,4
II	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	70.704.000	65.454.838	92,6	105,4
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	6.203.415	7.846.248	126,5	
IV	Giá trị sửa chữa lớn	1000 đ	13.051.935	5.197.012	39,8	38,5
V	Giá trị tiết kiệm định mức	1000 đ	-246.411	-2.634.956	1.069	974,0
VI	Lao động tiền lương					
1	Tổng số lao động BQ năm	người	68	61	89,7	98,4
2	Tổng quỹ lương theo đơn giá	1000 đ	6.443.364	6.026.264	93,5	89,1
3	Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	8.260.723	8.658.426	104,8	90,7
VII	Doanh thu bán hàng H2O2	1000 đ	84.781.107	75.549.589	89,3	85,1
VIII	Lợi nhuận trước thuế	1000 đ	3.531.346	3.763.175	106,6	15,3
IX	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/CP	336	356	105,7	14,8

b. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức, chất lượng sản phẩm:

➤ Công tác quản lý công nghệ: Công nghệ sản xuất của Công ty được duy trì ổn định, quản lý tốt việc bổ sung hóa chất pha chế dịch công tác và thời điểm thay ôxit nhôm hoạt tính, góp phần cải thiện nâng cao chất lượng dịch công tác. Xúc tác Paladi giai đoạn đầu đưa vào sản xuất hoạt tính xúc tác cao nhưng do đặc điểm xúc tác mới, độ chọn lọc phản ứng kém, gây khó khăn cho khống chế công nghệ, EAQ biến chất nhiều hơn bình thường dẫn đến định mức tiêu hao EAQ cao, ảnh hưởng đến chất lượng màu sắc của sản phẩm. Khi xúc tác đạt độ hoạt hóa ổn định cùng với việc quản lý tốt chất lượng dịch công tác, hàm lượng EAQ hữu hiệu trong dịch công tác đạt trên 130 g/lít trong đó H4EAQ đạt xấp xỉ 60g/l tạo thuận lợi cho khống chế hiệu suất hydro hóa đạt 6.5 - 6.8 g/l, dây chuyền sản xuất đạt và vượt công suất thiết kế, chất lượng sản phẩm tốt, ổn định.

➤ Công tác quản lý thiết bị: Thường xuyên, định kỳ tiến hành công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị. Trong năm 2019 đã tiến hành bảo dưỡng thay ga, thay dầu thiết bị làm lạnh nước M3401B, thay mới 01 đồng hồ đo lưu lượng sản phẩm đặc và 01 đồng hồ đo lưu lượng dịch công tác, định kỳ thay túi lọc các bộ lọc, thay dầu máy nén khí ly tâm, bảo dưỡng các động cơ điện, hiệu chỉnh các van và định vị van điều tiết, sơn phòng mục đường ống, lan can, sàn thao tác. Công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị được thực hiện vào các đợt ngừng máy của Công ty Đạm.

➤ Công tác sửa chữa lớn: Đã triển khai thực hiện hạng mục sửa chữa lớn thay 2 thiết bị trao đổi nhiệt E1201 A, B công đoạn sản xuất sản phẩm loãng với giá trị 565,92 triệu đồng. Thiết bị được đưa vào sử dụng từ tháng 7/2019 đã đáp ứng tốt yêu cầu công nghệ của dây chuyền sản xuất.

➤ Công tác quản lý định mức tiêu hao năm 2019: Duy trì ổn định các chỉ tiêu công nghệ khi chạy máy, thường xuyên phân tích thành phần dịch công tác để bổ sung hóa chất kịp thời nhằm duy trì chất lượng dịch công tác, xúc tác Paladi và bộ lọc màng Hydro cấp 1 trạm tinh chế Hydro mới đưa vào sản xuất nên hiệu suất phản ứng Hydro hóa và hiệu suất thu hồi Hydro cao là những nguyên nhân chính làm cho hầu hết các định mức tiêu hao trong quá trình sản xuất của Công ty giảm so với kế hoạch được giao. Riêng định mức hơi nước 1,37 Mpa cao hơn định mức kế hoạch do giai đoạn đầu thay xúc tác, nồng độ sản phẩm loãng thấp, tiêu hao hơi nước để cô đặc sản phẩm tăng và một phần do chất lượng hơi nước có nhiều nước ngưng. Giá trị tiết kiệm do giảm định mức tiêu hao năm 2019 so với kế hoạch Hội đồng quản trị giao là 2,634 tỷ đồng, trong đó tiết kiệm do giảm định mức khí H₂ nguyên

liệu, điện và hơi nước là 1,725 tỷ đồng, góp một phần làm giảm giá thành sản xuất, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

➤ Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Giai đoạn đầu sau khi đưa xúc tác mới vào sản xuất, sản phẩm Ôxy già sản xuất ra đạt chất lượng theo tiêu chuẩn TCCS 01:2011/HPCO đã công bố, riêng về ngoại quan, không đạt được độ trong suốt, sản phẩm có màu vàng. Sau một thời gian xúc tác đạt độ thuần, sản phẩm đã trong trở lại. Sản phẩm đáp ứng chất lượng cho các ngành sản xuất giấy, dệt may và xử lý môi trường và đã có đơn vị sử dụng trong ngành điện tử.

c. Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm:

➤ Giá Ôxy già nhập khẩu vào Việt Nam liên tục giảm mạnh ngay từ những ngày đầu năm 2019, nguồn cung Ôxy già từ thị trường Trung Quốc, Đài Loan và Băng La Đét tăng mạnh với giá giảm sâu so với Ôxy già Thái Lan và Hàn Quốc. Trong năm 2018, do không đủ nguồn cung cấp, một số hộ sử dụng lượng vừa và nhỏ Ôxy già của Công ty đã quay sang nhập khẩu. Khi nguồn cung ổn định trở lại, có hộ sử dụng lượng lớn, để đảm bảo sản xuất, họ vừa mua sản phẩm của Công ty, vừa nhập khẩu đã ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty ba tháng đầu năm 2019, làm cho công tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Công ty đã cùng nhà phân phối triển khai nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm như liên hệ với các hộ sử dụng sản phẩm Ôxy già của Công ty trước đây để tiếp tục bán hàng, thuyết phục các đơn vị sử dụng lượng lớn thôi không nhập khẩu để sử dụng sản phẩm sản xuất trong nước, yêu cầu nhà phân phối cung cấp các bồn chứa sản phẩm 10 m³ để tăng năng lực kho chứa và triển khai bán hàng tại thị trường Miền Nam. Kết quả công tác tiêu thụ sản phẩm của công ty đã ổn định, không còn phải dừng máy do không có kho chứa.

➤ Trong năm 2019 đã tiêu thụ được 9.184,3 tấn Ôxy già quy nồng độ 50% đạt 93,5% so với kế hoạch năm và bằng 107,4% so với thực hiện năm 2018, giá bán sản phẩm quy 50% bình quân năm đạt ~ 8.226 đồng/kg bằng 95,3% so với kế hoạch năm và bằng 79,1 % so với năm 2018. Doanh thu sản phẩm Ôxy già đạt 75,549 tỷ đồng bằng 89,1 % so với kế hoạch và bằng 84,9% so với năm 2018. Công tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty đã ổn định từ quý II/2019, sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 vẫn có lãi.

d. Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

➤ Việc tổ chức sản xuất và bố trí lao động của Công ty gặp khó khăn do thời gian dừng máy nhiều lần và nhiều ngày, tổng số lao động của Công ty đến 31/12/2019 là 61 người, giảm 01 người so với năm 2018, không tuyển dụng thêm được lao động có chất lượng theo yêu cầu. Quỹ lương sản phẩm của người lao động năm 2019 đạt 6,026 tỷ đồng bằng 89,1% so với năm 2018. Những đợt dừng máy dài ngày do không có việc làm đã phải bố trí cho người lao động nghỉ hết công nghỉ bù, nghỉ phép, cuối cùng mới bố trí nghỉ chờ việc.

➤ Tiếp tục chương trình đào tạo, luôn chuyển cường vị để một người có thể đảm nhận được một số cương vị trong dây chuyền để thay thế nhau khi có người nghỉ.

e. Công tác kế hoạch, quản lý cung ứng vật tư, quản lý giá bán sản phẩm và tài chính

➤ Công tác kế hoạch: Công ty đã lập Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm và được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt và thông qua tại Đại Hội đồng cổ đông công ty. Kế hoạch hàng tháng, quý được xây dựng sát với thực tế từng thời điểm và được ban hành để triển khai thực hiện.

➤ Công tác quản lý vật tư: Duy trì số lượng vật tư tồn kho hợp lý đáp ứng đủ cho sản xuất. Việc quản lý giá vật tư đầu vào đã được thực hiện tốt, đúng quy định về công tác mua vật tư của Công ty. Việc cấp phát vật tư cho sản xuất thực hiện theo đúng quy định cấp phát vật tư trong Công ty. Vật tư đã qua sử dụng được thu hồi phân loại, vật tư thu hồi Công ty không có nhu cầu sử dụng được bán để thu hồi vốn, năm 2019 đã bán thu hồi được 108,619 triệu đồng.

➤ Công tác quản lý giá bán sản phẩm: Cập nhật thông tin về tình hình nhập khẩu Ôxy già giúp cho Công ty xác định được giá bán hợp lý. Trong năm 2019, Hội đồng giá công ty đã họp 14 lần để điều chỉnh giá bán sản phẩm và cơ chế bán hàng phù hợp với từng thời điểm. Xây dựng và có chính sách giá bán sản phẩm Ôxy già nồng độ 26%, 27,5%, 30% hợp lý để cạnh tranh với các nhà nhập khẩu Ôxy già, kết quả đã tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm loãng loại 30% tăng 154,2%, loại 26% và 27,5% tăng 102,7% so với kế hoạch năm 2019, mang lại hiệu quả cho Công ty.

➤ Công tác quản lý tài chính:

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019; Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi và nợ phải trả quá hạn; thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ nộp thuế, nộp ngân sách nhà nước;

- Thực hiện điều chỉnh số liệu theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và chỉ đạo của Tổng giám đốc Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. Đã phân bổ lại

chi phí thay xúc tác và chi phí sửa chữa trong năm 2018, việc điều chỉnh này làm tăng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 thêm 4,828 tỷ đồng, nộp thêm thuế thu nhập doanh nghiệp 1,207 tỷ đồng. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty đạt 7,815 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận năm 2019 đạt 2,987 tỷ đồng.

- Theo phương án cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc vốn vay đầu tư với các Ngân hàng tài trợ vốn, trong năm 2019, Công ty đã linh hoạt cân đối nguồn vốn để trả gốc vay vốn đầu tư cho các ngân hàng là 664.538 Đôla Mỹ tương đương 15,449 tỷ đồng, giảm mức dư nợ vốn đầu tư từ 2,641 triệu Đô la Mỹ xuống còn 1,976 triệu Đô la Mỹ, duy trì ổn định dòng tiền cho sản xuất kinh doanh mà không phải vay vốn lưu động làm giảm chi phí lãi vay, góp phần hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2019 mà Hội đồng quản trị công ty giao.

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2019	31/12/2019	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	186.039	153.967	-32.072	-50,16%
- Tài sản ngắn hạn	37.715	23.281	-14.434	-38,27%
- Tài sản dài hạn	148.324	130.686	-17.638	-11,89%
Nguồn vốn	186.039	153.967	-32.072	-38,01%
- Nợ phải trả	74.308	53.662	-20.646	-27,78%
- Vốn chủ sở hữu	111.731	100.305	-11.426	-10,23%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty áp dụng hệ thống quản lý đơn giản hóa về các thủ tục hành chính cho nội bộ Công ty cũng như khách hàng, công việc được thực hiện bằng các quy định cụ thể. Đồng thời, Công ty cũng đã thực hiện kiện toàn quy định, quy chế làm việc, củng cố đội ngũ cán bộ, nhân viên, đầu tư trang thiết bị làm việc để nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc.

Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chế độ chính sách chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	So với TH 2019 (%)
*	Thời gian sản xuất	Ngày	289	99,3
I	Sản lượng sản phẩm			
1	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	9.450	103,9
2	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)	tấn	9.450	102,9
II	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	68.040.000	103,9
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	2.031.257	25,9
IV	Giá trị sửa chữa lớn	1000 đ	17.113.892	329,3
V	Giá trị tiết kiệm định mức	1000 đ	-284.432	10,8
VI	Lao động tiền lương			
1	Tổng số lao động	người	68	111,5
2	Tổng quỹ lương người lao động	1000 đ	5.316.244	88,2
3	Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	6.815.697	78,7
VII	Doanh thu tiêu thụ Ôxy già	1000đ	78.256.500	103,6
VIII	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	213.832	5,7
IX	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	0,03	

4.2. Các giải pháp thực hiện:

a. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:

Khai thác tốt năng lực sản xuất của dây chuyền, chỉ đạo điều hành sản xuất linh hoạt, tận dụng tối đa quỹ thời gian có đủ các điều kiện đầu vào để duy trì sản xuất đạt sản lượng cao nhất.

Thường xuyên kiểm tra chất lượng dịch công tác, bổ sung kịp thời hóa chất pha chế dịch công tác đảm bảo yêu cầu thành phần, chất lượng dịch công tác theo tư vấn của Nhà sản xuất và cung cấp xúc tác cho Công ty nhằm đạt sản lượng cao nhất, chất lượng sản phẩm tốt nhất. Cấp phát vật tư cho sản xuất thực hiện đúng theo định mức được duyệt và quy trình cấp phát vật tư của Công ty, kiểm tra hệ thống đo lường đảm bảo phản ánh trung thực số liệu tiêu hao để phục vụ cho điều hành sản xuất và hạch toán nội bộ.

Công tác sửa chữa lớn: Tập trung chỉ đạo triển khai lập phương án và lên kế hoạch mua vật tư, đặc biệt chú trọng đến việc cân đối nguồn vốn để triển khai mua 2 tấn xúc tác Paladi và vật tư phục vụ đại tu máy nén khí SAMSUNG. Kết hợp với các đợt dừng máy sửa chữa theo kế hoạch của Công ty Đạm để triển khai thực hiện.

Tiếp tục rà soát và lập nhu cầu vật tư dự phòng cho sản xuất để triển khai mua, đặc biệt là vật tư dự phòng thay thế cho các thiết bị động, đơn chiếc phải mua chính hãng của nhà sản xuất hoặc mua ở thị trường nước ngoài.

Làm tốt công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị theo kế hoạch, không để xảy ra sự cố do chủ quan.

b. Công tác tiêu thụ:

Tiếp tục tìm kiếm và phát hiện các đơn vị có nhu cầu sử dụng Ôxy già mới ở khu vực Miền Bắc, thống kê nhu cầu sử dụng, xúc tiến chào hàng và hỗ trợ các nhà phân phối tiếp cận để bán hàng.

Đôn đốc các Nhà phân phối ở Miền Nam có chi nhánh ở Miền Bắc mở rộng tiêu thụ sản phẩm Ôxy già ở thị trường Miền Bắc.

Mở rộng đối tác tiêu thụ Ôxy già ở Miền Bắc để bán hàng, phần đầu tiêu thụ hết sản phẩm của Công ty ở thị trường Miền Bắc.

Ưu tiên tiêu thụ sản phẩm loãng và sản phẩm tiêu thụ ở thị trường Miền Bắc để phát triển thị trường Miền Bắc.

Duy trì việc cập nhật thông tin về nhập khẩu Ôxy già để có chính sách giá bán linh hoạt, phù hợp với giá thị trường.

c. Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính

Nắm bắt, cập nhật diễn biến giá cả vật tư, chế độ chính sách của Nhà nước để xây dựng kế hoạch sát với thực tế nhằm điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Cân đối đảm bảo vật tư cho sản xuất với việc hạn chế tối đa lượng tồn kho. Kiểm soát giá mua vật tư theo đúng quy định mua vật tư của Công ty.

Theo phương án trả nợ gốc vốn vay đầu tư, trong năm 2020 Công ty trả nợ gốc vay vốn đầu tư cho các ngân hàng là 375.608 Đôla Mỹ tương đương 8,77 tỷ đồng, giảm mức dư nợ vốn đầu tư đầu từ 1,976 triệu Đô la Mỹ xuống còn 1,601 triệu Đô la Mỹ. Tiếp tục cân đối dòng tiền đảm bảo cho sản xuất và sửa chữa lớn năm 2020.

Phối hợp triển khai thực hiện nghị quyết của Công ty Mẹ thoái toàn bộ vốn hiện đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

d. Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

Tiếp tục chương trình đào tạo để một người có thể vận hành thành thạo được một vài cương vị sản xuất khác nhau, điền khuyết khi có người nghỉ, triển khai đào tạo nâng cao cho người lao động bậc cao vào các đợt thi nâng bậc;

Tuyển bổ sung số công nhân vận hành hóa có chất lượng, đúng ngành nghề đào tạo để đảm bảo số lao động cần thiết duy trì sản xuất liên tục. Phân đấu đảm bảo ổn định đời sống và thu nhập cho người lao động để họ yên tâm công tác. Trong trường hợp thời gian ngừng máy do không đủ điều kiện đầu vào để duy trì sản xuất sẽ bố trí cho người lao động nghỉ chế độ như nghỉ bù, nghỉ phép và cuối cùng là nghỉ chờ việc.

Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động và nội quy của Công ty, xử lý nghiêm khắc với các trường hợp vi phạm.

e. Công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường: Hàng quý, triển khai quan trắc môi trường, ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại và rác thải sinh hoạt, triển khai tập huấn công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, cấp phát bảo hộ lao động, trang bị an toàn cho người lao động theo đúng quy định.

Năm 2020, Công ty tiếp tục phấn đấu sản xuất kinh doanh đạt kế hoạch mà Hội đồng quản trị và cổ đông Công ty giao, tiếp tục phấn đấu sản xuất kinh doanh an

toàn, ổn định với năng suất, chất lượng cao nhằm mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn của công ty, thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi vay đầu tư và có lãi.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có giải trình vì không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Thực hiện theo Điều lệ Công ty và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, HĐQT đã triển khai các công việc sau:

a. Thông qua các quyết định theo Quy chế hoạt động của Công ty.

Tại Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2019, đã tổ chức tiến hành:

Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Giao KH định mức nguyên nhiên vật liệu trong SX H2O2 năm 2019.

Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho Giám đốc Công ty tiếp tục rà soát kiện toàn hệ thống Quy chế quản lý nội bộ.

b. Chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:

Chuẩn bị tốt các phương án vận hành; quản lý tốt lao động; củng cố các thiết bị vận hành, thiết bị dự phòng; tận dụng tối đa quỹ thời gian chạy máy, điều hành chạy máy với công suất và sản lượng cao, không để ngừng sản xuất do chủ quan do sản phẩm đầy kho; giám sát tốt chất lượng sản phẩm; giảm định mức tiêu hao (đặc biệt là điện, hơi nước, khí Hydro) đảm bảo SX-KD hiệu quả cao nhất.

Tiếp tục công tác phối hợp điều hành sản xuất với Đạm Hà Bắc để đảm bảo việc cung cấp nguyên liệu đầu vào đúng tiêu chuẩn chất lượng và ổn định theo hợp đồng đã ký.

Một số chỉ tiêu định mức tiêu hao còn cao so với kế hoạch, HĐQT đã yêu cầu Công ty kịp thời có giải pháp để điều chỉnh và báo cáo kịp thời với HĐQT.

➤ Công tác thị trường:

Tiếp tục cơ cấu thị trường tiêu thụ sản phẩm theo hướng cân đối sản phẩm tiêu thụ tại thị trường Miền Bắc và thị trường Miền Nam. Tăng sản lượng tiêu thụ sản

phẩm loãng (có hiệu quả hơn so với sản phẩm đặc) đặc biệt năm 2019 sản lượng sản phẩm loãng xuất cho khách hàng đã tăng cao.

Chủ động kiểm soát thị trường, điều chỉnh giá bán sản phẩm linh hoạt không để tiêu thụ sản phẩm ảnh hưởng đến phải ngừng máy, giá bán phải bảo đảm cạnh tranh và cao hơn phí biến đổi.

➤ **Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính:**

Tiết giảm các chi phí: kiểm soát chặt chẽ giá vật tư đầu vào; tạm dừng các khoản đầu tư chưa cần thiết;

Do khó khăn về tài chính căn cứ tình hình thực tế một số hạng mục sửa chữa lớn theo kế hoạch có thể lùi thời gian hoặc lùi sang kế hoạch năm sau.

Tích cực làm việc với các ngân hàng để có được các chính sách hỗ trợ về tài chính.

➤ **Công tác Tổ chức, lao động tiền lương:**

Rà soát lại hệ thống quy chế nội bộ, bổ sung sửa đổi cho phù hợp.

Yêu cầu cân đối bố trí lao động hợp lý, đảm bảo tăng thu nhập cho người lao động, ổn định việc làm. Hạn chế tối đa thời gian người lao động nghỉ chờ việc do ngừng dây chuyền.

Chỉ đạo Công ty xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ luật pháp và có hiệu quả nhất đối với Công ty và quyền lợi của các cổ đông.

2. Đánh giá về hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty:

HĐQT, Giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành luôn tuân thủ nghiêm túc Điều lệ Công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty. Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo HĐQT Công ty.

HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, nếu thấy cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty.

HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động SXKD, báo cáo thường kỳ các hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. HĐQT đã đề nghị

Giám đốc Công ty báo cáo bổ sung một số vấn đề mà cổ đông quan tâm, minh bạch hóa các quan hệ có ảnh hưởng đến lợi ích của Cổ đông.

HĐQT tổ chức Đại hội cổ đông thường niên, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung: báo cáo thực hiện hoạt động SX-KD, phương hướng nhiệm vụ, báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.

Năm 2019, kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi, vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, quy chế hoạt động của Công ty quy định.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chi đạo Công ty khai thác tối đa năng lực thiết bị dây chuyền vận hành đảm bảo các thông số kỹ thuật, đúng chất lượng; tận dụng hết khả năng quỹ thời gian chạy máy.

- Chi đạo điều hành SX-KD cân đối sản lượng sản xuất và sản lượng hàng bán ra thị trường đảm bảo thực hiện phương án có hiệu quả nhất và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra với các nhiệm vụ chính:

+ Sản xuất ổn định, an toàn và hiệu quả.

+ Tiếp tục giảm các định mức tiêu hao, giảm giá thành sản xuất.

+ Chiếm lĩnh, chủ động thị trường H₂O₂ Miền Bắc cân đối hợp lý sản phẩm cho thị trường Miền Nam.

+ Tăng tỷ trọng sản phẩm loãn trong cơ cấu sản phẩm trên tổng sản phẩm quy đổi theo hướng có hiệu quả kinh tế cao.

+ Chủ động và linh hoạt điều chỉnh giá bán sản phẩm căn cứ theo sát nhu cầu thị trường trong từng thời điểm.

- Kiểm soát việc thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính Công ty.

- Phê duyệt và giao Kế hoạch SXKD, định mức tiêu hao nguyên vật liệu chủ yếu và định biên lao động theo sát với khả năng điều kiện thực tế.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- HĐQT gồm 5 người trong đó có 4 thành viên không điều hành. Không có thành viên HĐQT độc lập.

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân nắm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Chu Anh Dũng Chủ tịch HĐQT		2.520.000	2.520.000	30,00
2	Nguyễn Tổng Luận Thành viên HĐQT	3.093	1.764.000	1.767.093	21,037
3	Phạm Hoàng Hưng Thành viên HĐQT		1.139.000	1.139.000	13,56
4	Nguyễn Thị Thanh Vân Thành viên HĐQT		560.000	560.000	6,667
5	Nguyễn Minh Toàn Thành viên HĐQT		999.800	999.800	11,902
	Tổng cộng	3.093	6.982.800	6.985.893	83,166

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Các thành viên HĐQT không điều hành đã làm đúng chức năng của mình.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số CP			Tỷ lệ (%)
		Số CP cá nhân nắm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	
1	Nguyễn Thu Nga Trưởng ban kiểm soát	151		151	0,002
2	Lê Thanh Hiếu Thành viên Ban kiểm soát	3.500	0	3.500	0,042
3	Bùi Anh Tuấn Thành viên Ban kiểm soát	0	0	0	0
	Tổng cộng	3.500	0	3.500	0,042

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

➤ Năm 2019, Ban Kiểm soát đã duy trì kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, của Giám đốc Công ty. Việc trao đổi công việc của các thành viên Ban kiểm soát chủ yếu thông qua các phương tiện như Điện thoại, internet:

- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch sửa chữa lớn, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.
- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- Giám sát việc sử dụng vốn kinh doanh của Công ty.
- Cử người tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Cho ý kiến về các vấn đề liên quan đến hạch toán kế toán, các biện pháp liên quan đến tiền lương, tiêu thụ sản phẩm và những ý kiến với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 . Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Chủ tịch HĐQT thù lao là: 3.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT thù lao là: 2.000.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát thù lao là: 1000.000 đồng/tháng
- Thư ký HĐQT thù lao là: 800.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS thù lao là: 800.000 đồng/tháng.

3.2. **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có

3.3. **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

3.4. **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo thông tư số **Thông tư 95/2017/TT-BTC** ngày 22/9/2017 của Bộ Tài. Chính của Bộ Tài Chính.

VI. Báo cáo tài chính:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Phạm Hoàng Hưng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 26
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Phạm Hoàng Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Tổng Luận	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Hưng	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thu Nga	Trưởng ban
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên
Ông Bùi Anh Tuấn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

001
CỔ
PHẦN
HÀ
BẮC
GIANG
A
DÀN

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc 


Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2020

10
3
11
3
11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 (đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.281.295.775	37.715.098.433
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.925.551.263	26.877.923.777
111	1. Tiền		3.583.838.519	340.612.288
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.341.712.744	26.537.311.489
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.911.009.306	1.744.174.838
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	6.066.286.650	1.242.975.100
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	516.600.050	24.750.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	328.122.606	476.449.738
140	IV. Hàng tồn kho	7	6.036.479.176	7.607.161.485
141	1. Hàng tồn kho		6.036.479.176	7.607.161.485
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		408.256.030	1.485.838.333
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.025.453.669
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	408.256.030	460.384.664
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		130.685.502.742	148.324.326.068
220	II. Tài sản cố định		120.551.685.646	133.554.516.153
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	120.551.685.646	133.554.516.153
222	- Nguyên giá		205.722.266.960	205.722.266.960
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(85.170.581.314)	(72.167.750.807)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.133.817.096	14.769.809.915
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	10.133.817.096	14.769.809.915
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		153.966.798.517	186.039.424.501

TRỊ
HÀ
D. HO.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		53.661.375.026	74.308.240.718
310	I. Nợ ngắn hạn		7.741.521.243	14.644.024.838
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	1.850.509.356	3.635.256.592
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	31.252.390	149.208.390
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	971.012.152	5.214.577.628
314	4. Phải trả người lao động		1.340.409.429	2.102.778.198
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	107.367.708	56.380.003
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.353.750.208	1.747.714.672
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10	-	1.728.836.355
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.087.220.000	9.273.000
330	II. Nợ dài hạn		45.919.853.783	59.664.215.880
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10	45.919.853.783	59.664.215.880
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		100.305.423.491	111.731.183.783
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	100.305.423.491	111.731.183.783
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		84.000.000.000	84.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		84.000.000.000	84.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		8.489.879.039	5.501.266.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.815.544.452	22.229.917.783
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.828.504.744	(2.731.794.732)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		2.987.039.708	24.961.712.515
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		153.966.798.517	186.039.424.501

Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Thân Thị Hà

Trưởng phòng Kế toán



Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	75.667.770.422	89.057.748.687
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.667.770.422	89.057.748.687
11	4. Giá vốn hàng bán	19	61.595.583.511	46.557.119.693
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.072.186.911	42.500.628.994
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	954.286.888	1.042.050.725
22	7. Chi phí tài chính	21	4.099.934.882	6.167.303.504
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		3.792.552.146	4.266.180.364
25	8. Chi phí bán hàng	22	1.633.784.220	419.557.832
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	5.523.418.607	6.336.262.446
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.769.336.090	30.619.555.937
31	11. Thu nhập khác		3.338.545	56.653.900
32	12. Chi phí khác		9.500.000	1.328.184
40	13. Lợi nhuận khác		(6.161.455)	55.325.716
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.763.174.635	30.674.881.653
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	776.134.927	5.713.169.138
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.987.039.708</u>	<u>24.961.712.515</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	356	2.972



Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Thân Thị Hà

Trưởng phòng Kế toán

Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.763.174.635	30.674.881.653
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.002.830.507	13.017.166.143
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(23.870.970)	(297.396.910)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(623.033.182)	(744.653.815)
06	- Chi phí lãi vay		3.792.552.146	4.266.180.364
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.911.653.136	46.916.177.435
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.214.469.355)	(894.419.137)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.570.682.309	(760.485.684)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.066.173.734)	(259.640.110)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.635.992.819	(14.769.809.915)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.794.742.441)	(4.283.260.698)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.363.169.138)	(500.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(734.853.000)	(2.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.944.920.596	25.446.561.891
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(31.809.091)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		748.250.372	559.807.150
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		748.250.372	527.998.059
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	1.901.123.140
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(15.449.327.482)	(13.671.079.595)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.196.216.000)	(7.043.040)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.645.543.482)	(11.776.999.495)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(16.952.372.514)	14.197.560.455
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		26.877.923.777	12.680.363.322
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	9.925.551.263	26.877.923.777

Đặng Thị Mai Hương

Thân Thị Hà



Đặng Thị Mai Hương
 Người lập biểu

Thân Thị Hà
 Trưởng phòng Kế toán

Phạm Hoàng Hưng
 Giám đốc

Bắc Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 84.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 84.000.000.000 đồng; tương đương 8.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất và buôn bán hóa chất H₂O₂.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do năm 2019 các nhà máy hóa chất sản xuất H₂O₂ bên Trung Quốc được sản xuất trở lại dẫn đến nguồn cung trên thị trường tăng nên các công ty ở miền Bắc cũng giảm lượng mua vào. Mặt khác, giá mua khí đầu vào từ Công ty Cổ phần Phân Đạm Hà Bắc tăng. Điều này dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm mạnh so với năm 2018.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau: Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Các tài sản khác | 03 - 05 năm |

2.9. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

SỐ
C
CH
NC
A
/N

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22. Thông tin bộ phận

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh H₂O₂ và chi phát sinh tại tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Tiền mặt	160.485.555	161.788.651
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.423.352.964	178.823.637
- Các khoản tương đương tiền	6.341.712.744	26.537.311.489
	9.925.551.263	26.877.923.777

Tại 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng với tổng giá trị 6.341.712.744 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang với lãi suất 4,5%/năm.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	2.869.033.300	-	-	-
- Công ty TNHH Công nghệ Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	1.645.166.050	-	-	-
- Công ty TNHH Trần Lê Anh	305.617.100	-	677.763.900	-
- Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Long Biên	372.684.400	-	464.722.500	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	873.785.800	-	100.488.700	-
	6.066.286.650	-	1.242.975.100	-

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Công nghệ Nano ứng dụng	508.200.000	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	8.400.050	-	24.750.000	-
	516.600.050	-	24.750.000	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	59.629.475	-	184.846.665	-
- Tạm ứng	249.500.000	-	266.945.000	-
- Phải thu khác	18.993.131	-	24.658.073	-
	328.122.606	-	476.449.738	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	5.138.088.834	-	5.544.708.771	-
- Công cụ, dụng cụ	57.837.000	-	124.976.000	-
- Thành phẩm	840.553.342	-	1.937.476.714	-
	6.036.479.176	-	7.607.161.485	-

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Chi tiết Phụ lục 01)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	(đã điều chỉnh) VND
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	10.133.817.096	14.769.809.915
	10.133.817.096	14.769.809.915

10. CÁC KHOẢN VAY

(Chi tiết Phụ lục 02)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	1.837.124.556	1.837.124.556	2.312.776.592	2.312.776.592
- Công ty Cổ phần Công nghệ Nano ứng dụng	-	-	1.304.880.000	1.304.880.000
- Phải trả các đối tượng khác	13.384.800	13.384.800	17.600.000	17.600.000
	1.850.509.356	1.850.509.356	3.635.256.592	3.635.256.592
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.837.124.556	1.837.124.556	2.312.776.592	2.312.776.592

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Sản xuất Hóa chất Đặc Trường Phát	-	142.076.900
- Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Việt Nam	22.080.000	-
- Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	4.024.800	-
- Người mua trả tiền trước khác	5.147.590	7.131.490
	31.252.390	149.208.390

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	2.608.463.495	2.267.273.335	-	341.190.160				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.213.169.138	1.983.261.114	6.570.295.325	-	626.134.927				
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.408.490	214.193.950	211.915.375	-	3.687.065				
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	460.384.664	-	52.128.634	-	408.256.030	-				
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-				
	460.384.664	5.214.577.628	4.861.047.193	9.052.484.035	408.256.030	971.012.152				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	54.189.708	56.380.003
- Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng	33.378.000	-
- Chi phí phải trả khác	19.800.000	-
	107.367.708	56.380.003

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	25.336.444	27.451.014
- Bảo hiểm xã hội	148.706	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	900.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.970.886.640	567.102.640
- Quỹ thưởng BGĐ và các quỹ công đoàn	68.653.976	93.653.976
- Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	55.357.524	65.357.524
- Chi phí hỗ trợ vận chuyển phải trả khách hàng	64.842.000	-
- Nguyên liệu, vật tư chưa có hóa đơn	133.167.200	959.371.800
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.357.718	33.877.718
	2.353.750.208	1.747.714.672

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	5.501.266.000	(2.731.794.732)	86.769.471.268
Lãi trong năm trước	-	-	24.961.712.515	24.961.712.515
Số dư cuối năm trước	84.000.000.000	5.501.266.000	22.229.917.783	111.731.183.783
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	84.000.000.000	5.501.266.000	22.229.917.783	111.731.183.783
Lãi trong năm nay	-	-	2.987.039.708	2.987.039.708
Phân phối lợi nhuận	-	2.988.613.039	(17.401.413.039)	(14.412.800.000)
Số dư cuối năm nay	84.000.000.000	8.489.879.039	7.815.544.452	100.305.423.491

Theo Nghị quyết số 89/NQĐHĐCĐ - HPCO của Đại Hội đồng cổ đông ngày 25/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận trước thuế năm 2018	24.639.250.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.506.042.951
Lỗi lũy kế năm trước	(2.731.794.732)
Lợi nhuận sau thuế	17.401.413.039
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.988.613.039
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.690.000.000
Trích Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	122.800.000
Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ)	12.600.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	Tỷ lệ	01/01/2019	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	54.230.000.000	64,56%	54.230.000.000	64,56%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	9.998.000.000	11,90%	9.998.000.000	11,90%
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	5.600.000.000	6,67%	5.600.000.000	6,67%
Các cổ đông khác	14.172.000.000	16,87%	14.172.000.000	16,87%
	84.000.000.000	100%	84.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	84.000.000.000	84.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	84.000.000.000	84.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	567.102.640	574.145.680
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	12.600.000.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.600.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(11.196.216.000)	(7.043.040)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.970.886.640	567.102.640

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	8.489.879.039	5.501.266.000
	8.489.879.039	5.501.266.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Phường Thọ Xương - Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2010 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 14.623,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm	75.667.770.422	89.057.748.687
	75.667.770.422	89.057.748.687

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	61.595.583.511	46.557.119.693
	61.595.583.511	46.557.119.693

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	623.033.182	744.653.815
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	331.253.706	297.396.910
	954.286.888	1.042.050.725

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.792.552.146	4.266.180.364
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1.901.123.140
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	307.382.736	-
	4.099.934.882	6.167.303.504

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	267.438.459	343.735.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.694.461	33.999.996
Chi phí khác bằng tiền	1.335.651.300	41.822.000
	1.633.784.220	419.557.832

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.192.079	118.732.124
Chi phí nhân công	3.967.797.469	4.125.630.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.293.759	152.253.087
Thuế, phí, lệ phí	83.322.249	87.861.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	342.360.000	443.862.640
Chi phí khác bằng tiền	873.453.051	1.407.922.032
	5.523.418.607	6.336.262.446

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.763.174.635	30.674.881.653
Các khoản điều chỉnh tăng	117.500.000	170.528.184
- Chi phí không hợp lệ	117.500.000	170.528.184
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.279.564.152)
- Chuyển lỗ các năm trước		(2.279.564.152)
Thu nhập tính thuế TNDN	3.880.674.635	28.565.845.685
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	776.134.927	5.713.169.138
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	5.213.169.138	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.363.169.138)	(500.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	626.134.927	5.213.169.138

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.987.039.708	24.961.712.515
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.987.039.708	24.961.712.515
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	356	2.972

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.693.084.125	35.783.065.945
Chi phí nhân công	8.405.207.211	9.083.678.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.002.830.507	13.013.889.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	342.360.000	449.512.640
Chi phí khác bằng tiền	2.209.104.351	2.095.675.077
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	67.652.586.194	60.425.821.693

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.925.551.263	-	26.877.923.777	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.394.409.256	-	1.719.424.838	-
	16.319.960.519	-	28.597.348.615	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	45.919.853.783	61.393.052.235
Phải trả người bán, phải trả khác	4.204.259.564	5.382.971.264
Chi phí phải trả	107.367.708	56.380.003
	50.231.481.055	66.832.403.502

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.925.551.263	-	-	9.925.551.263
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.394.409.256	-	-	6.394.409.256
	16.319.960.519	-	-	16.319.960.519
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.877.923.777	-	-	26.877.923.777
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.719.424.838	-	-	1.719.424.838
	28.597.348.615	-	-	28.597.348.615

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	-	45.919.853.783	-	45.919.853.783
Phải trả người bán, phải trả khác	4.204.259.564	-	-	4.204.259.564
Chi phí phải trả	107.367.708	-	-	107.367.708
	4.311.627.272	45.919.853.783	-	50.231.481.055
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	1.728.836.355	59.664.215.880	-	61.393.052.235
Phải trả người bán, phải trả khác	5.382.971.264	-	-	5.382.971.264
Chi phí phải trả	56.380.003	-	-	56.380.003
	7.168.187.622	59.664.215.880	-	66.832.403.502

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
		VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	24.742.287.038	18.074.607.688

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
		VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn			
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	1.837.124.556	2.312.776.592

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	449.122.540	423.432.418
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	879.524.054	724.404.675

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại Thông báo kết quả kiểm toán ngày 03/07/2019 của Kiểm toán Nhà nước về việc Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2018 Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:

	Mã số	Phân loại lại	
		Đã trình bày trên báo cáo năm trước	
		VND	VND
a) Bảng Cân đối kế toán			
Tài sản cố định hữu hình	221	133.554.516.153	133.525.983.834
Chi phí trả trước dài hạn	261	14.769.809.915	8.999.228.303
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.214.577.628	4.007.451.441
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	56.380.003	236.662.003
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.747.714.672	1.803.949.672
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22.229.917.783	17.401.413.039
b) Báo cáo Kết quả kinh doanh			
Giá vốn hàng bán	11	46.557.119.693	52.327.701.305
Chi phí bán hàng	25	419.557.832	599.839.832
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.336.262.446	6.364.794.765
Thu nhập khác	31	56.653.900	418.900
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30.674.881.653	24.639.250.722
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.713.169.138	4.506.042.951
c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ			
Lợi nhuận trước thuế	01	30.674.881.653	24.639.250.722
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	13.017.166.143	13.013.889.371
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(259.640.110)	(23.123.110)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(14.769.809.915)	(8.999.228.303)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(31.809.091)	-

Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Thân Thị Hà

Trưởng phòng Kế toán



Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc

PHỤ LỤC 01. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	201.809.091	205.722.266.960
Số dư cuối năm	26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	201.809.091	205.722.266.960
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.206.289.713	65.473.424.238	345.454.545	142.582.311	72.167.750.807
- Khấu hao trong năm	1.014.394.631	11.951.401.080	-	37.034.796	13.002.830.507
Số dư cuối năm	7.220.684.344	77.424.825.318	345.454.545	179.617.107	85.170.581.314
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	19.848.353.400	113.646.935.973	-	59.226.780	133.554.516.153
Tại ngày cuối năm	18.833.958.769	101.695.534.893	-	22.191.984	120.551.685.646

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thể chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 120.068.607.130 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 616.290.909 VND.

PHỤ LỤC 02. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.728.836.355	1.728.836.355	-	1.728.836.355	-	-
	1.728.836.355	1.728.836.355	-	1.728.836.355	-	-
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	61.393.052.235	61.393.052.235	307.382.736	15.780.581.188	45.919.853.783	45.919.853.783
	61.393.052.235	61.393.052.235	307.382.736	15.780.581.188	45.919.853.783	45.919.853.783
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.728.836.355)	(1.728.836.355)	-	(1.728.836.355)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	59.664.215.880	59.664.215.880			45.919.853.783	45.919.853.783

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

Số hợp đồng	Thời gian đáo hạn	Loại tiền	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	31/12/2019		01/01/2019	
					Nguyên tệ USD	Quy đổi VND	Nguyên tệ USD	Quy đổi VND
Hợp đồng số 0001-018-01/HĐTĐ ngày 15/07/2010 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang	26/09/2024	USD	7%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	968.669	22.499.274.863	1.294.292	30.079.271.080
Hợp đồng số 01/10/ĐTĐA/BG ngày 15/07/2010 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	26/09/2024	USD	6,5%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	1.008.204	23.420.578.920	1.347.119	31.313.781.155
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					1.976.873	45.919.853.783	2.641.411	61.393.052.235
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					-	-	-	(1.728.836.355)
					45.919.853.783	45.919.853.783		59.664.215.880

